

ÁN LỆ SỐ 56/2022/AL¹
Về việc giải quyết tranh chấp di thừa mồ mả

Được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 07 tháng 9 năm 2022 và được công bố theo Quyết định số 323/QĐ-CA ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Nguồn án lệ:

Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2019/DS-ST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang về vụ án “*Tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi ngăn cản di thừa mồ mả*” giữa nguyên đơn là bà Trần Thị Thu V với bị đơn là anh Vương Minh T, anh Vương Minh H.

Vị trí nội dung án lệ:

Đoạn 4 phần “*Nhận định của Tòa án*”.

Khái quát nội dung của án lệ:

- Tình huống án lệ:

Người chồng chết, người vợ nhờ chôn cất người chồng trên phần đất của người thân bên nhà chồng. Sau đó, người vợ muốn di thừa phần mộ của người chồng về đất của gia đình mình thì phát sinh tranh chấp.

- Giải pháp pháp lý:

Trường hợp này, Tòa án phải xác định người vợ có quyền di thừa mồ mả của người chồng để quản lý, chăm sóc.

Quy định của pháp luật liên quan đến án lệ:

- Khoản 1 Điều 7, Điều 11 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 4 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Từ khóa của án lệ:

“*Tranh chấp di thừa mồ mả*”; “*Quyền chăm sóc, quản lý, di thừa mồ mả*”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/04/2019 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Thu V trình bày:

Nguyên chồng bà là ông Vương Văn A, sinh năm 1945, chết năm 2004, trước khi chết thì chồng bà có tâm nguyện chôn cất tại đất nhà ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Nhưng vào thời điểm chồng bà chết thì phần đất của gia đình bà đang trong quy hoạch nên bà mới đem ông A về phần đất của anh chồng bà là ông Vương Văn B chôn cất với ý định của bà và con bà là nhờ để chờ qua quy hoạch sẽ đem hài cốt chồng của bà về đất nhà chôn cất.

¹ Án lệ này do NCS. Lý Văn Toán, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang và CN. Hồ Thị Kiều Trang, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề xuất

Hiện nay phần đất của gia đình bà ổn định, bà muốn thực hiện theo nguyện vọng của chồng bà là đem hài cốt của ông A về đất nhà chôn cất nhưng hai cháu là anh Vương Minh T và anh Vương Minh H ngăn cản không đồng ý cho bà đem hài cốt chồng của bà đi về đất nhà chôn cất.

Tại phiên tòa hôm nay: ông Phù Thanh S, người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của bà Trần Thị Thu V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Vương Minh T và anh Vương Minh H không được ngăn cản việc bà V đem hài cốt của chồng bà là ông Vương Văn A về đất nhà của bà để chôn cất.

Bị đơn là anh Vương Minh T và anh Vương Minh H cùng có ý kiến trình bày:

Ông Vương Văn A là chú ruột của hai anh, lúc ông A chết thì có chôn cất trên phần đất của gia đình anh, hiện nay do anh Vương Văn T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Thị Thu V yêu cầu anh em anh chấm dứt hành vi ngăn cản việc bà lấy hài cốt của chồng bà là ông Vương Văn A về đất nhà của bà để chôn cất thì các anh không đồng ý với lý do chú của anh là ông Vương Văn A hiện nay là không có người thân bên cạnh chăm sóc mồ mả. Ngoài ra tạm thời để anh em anh chăm sóc khi nào xác định có người thân bên cạnh thì anh em anh sẽ đồng ý cho bà V di dời hài cốt. Anh em anh đã chăm sóc khoảng 15 năm nay rồi nên không đồng ý với yêu cầu của bà V.

Tại phiên tòa hôm nay: Với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Thị Thu V yêu cầu anh em anh chấm dứt hành vi ngăn cản việc bà lấy hài cốt của chồng bà là ông Vương Văn A về đất nhà của bà để chôn cất thì anh em anh không đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành nêu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm nghị án tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu V thực hiện quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4, khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn Trần Thị Thu V yêu cầu anh Vương Minh T và anh Vương Minh H không được ngăn cản việc bà V lấy hài cốt của chồng bà là ông Vương Văn A về đất nhà của bà để chôn cất, nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định trong vụ án là *“Tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi ngăn cản di dời mồ mả”*

[3] Về nội dung vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn bà Trần Thị Thu V với bị đơn anh Vương Minh T và anh Vương Minh H thống nhất

xác định lúc trước bà V có nhờ đất của anh em anh Vương Minh T và anh Vương Minh H để chôn cất phần mộ của chồng bà là ông Vương Văn A và hiện tại phần mộ của ông A vẫn còn nằm trên phần đất của anh Vương Minh T. Bà Trần Thị Thu V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Vương Minh T và anh Vương Minh H không được ngăn cản việc bà V lấy hài cốt của chồng bà là ông Vương Văn A về đất nhà của bà để chôn cất. Bị đơn anh Vương Minh T và anh Vương Minh H không đồng ý yêu cầu của bà V với lý do chú là ông Vương Văn A hiện nay là không có người thân bên cạnh chăm sóc mồ mả.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đều thống nhất xác định trên phần đất của anh Vương Minh T và anh Vương Minh H có phần mộ của ông Vương Văn A; bà V là vợ hợp pháp của ông Vương Văn A, nay bà có nguyện vọng di dời hài cốt của chồng bà là ông Vương Văn A về phần đất nhà của bà để chôn cất và chăm sóc. Xét yêu cầu di dời hài cốt ông Vương Văn A là chồng của nguyên đơn bà Trần Thị Thu V là có căn cứ và phù hợp với phong tục tập quán cũng như truyền thống của người Việt Nam. Việc anh Vương Minh T và anh Vương Minh H đưa ra những lý do trên để ngăn cản bà V di dời hài cốt của chồng mình là không hợp lý, bởi bà V có mối quan hệ là vợ của ông Vương Văn A được pháp luật cũng như các bên thừa nhận nên có quyền thăm nom, chăm sóc và quản lý mồ mả của chồng mình là phù hợp với đạo lý cũng như thuần phong, mỹ tục của người Việt Nam và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Từ những căn cứ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu V là có căn cứ nên được chấp nhận. Do đó, buộc bị đơn anh Vương Minh T và anh Vương Minh H phải chấm dứt hành vi cản trở việc bà Trần Thị Thu V di dời hài cốt của chồng bà là ông Vương Văn A.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn anh Vương Minh T và anh Vương Minh H mỗi người phải nộp án phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

[7] Hoàn trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Thu V số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009710 ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 4, khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 4, Điều 5, Điều 14 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 18 và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu V.

2. Buộc bị đơn anh Vương Minh T và anh Vương Minh H phải chấm dứt hành vi cản trở việc bà Trần Thị Thu V di dời hài cốt của chồng bà là ông Vương Văn A.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 18 và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009;

Buộc bị đơn anh Vương Minh T và anh Vương Minh H mỗi người phải nộp án phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Thu V số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009710 ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

NỘI DUNG ÁN LỆ

“[4] ... Trong quá trình giải quyết vụ án các bên đều thống nhất xác định trên phần đất của anh Vương Minh T và anh Vương Minh H có phần mộ của ông Vương Văn A; Bà V là vợ hợp pháp của ông Vương Văn A, nay bà có nguyện vọng di dời hài cốt của chồng bà là ông Vương Văn A về phần đất nhà của bà để chôn cất và chăm sóc. Xét yêu cầu di dời hài cốt ông Vương Văn A là chồng của nguyên đơn bà Trần Thị Thu V là có căn cứ và phù hợp với phong tục tập quán cũng như truyền thống của người Việt Nam. Việc anh Vương Minh T và anh Vương Minh H đưa ra những lý do trên để ngăn cản bà V di dời hài cốt của chồng mình là không hợp lý, bởi bà V có mối quan hệ là vợ của ông Vương Văn A được pháp luật cũng như các bên thừa nhận nên có quyền thăm nom, chăm sóc và quản lý mồ mã của chồng mình là phù hợp với đạo lý cũng như thuần phong, mỹ tục của người Việt Nam và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật Dân sự năm 2015.”